

Bản án số: 18/2023/ DSST
Ngày 31/8/2023
V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Khánh

Ông Nguyễn Đợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Tòa án

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên
tòa: Bà Trương Thị Thy

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST - DS ngày 28/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 2070/2023/QĐST-DS ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SGTT(Tên viết tắt: S), địa chỉ: 266-268 NK, phường 8 (nay là phường VTS), Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà NĐTD- Tổng Giám đốc, địa diện theo ủy quyền của bà NĐTD là Ông BHP- Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT Chi nhánh T, theo Giấy ủy quyền số 3940/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019; người đại diện theo ủy quyền của Ông BHP: Ông PQD – Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP SGTT Chi nhánh Quảng Ngãi, theo Giấy ủy quyền số 049/2023 ngày 01/7/2023.

2. *Bị đơn:* Ông LHK, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn HPB, xã HT, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 19/10/2017, ông LHK có ký với Ngân hàng TMCP SGTT, tên viết tắt: S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã chấp nhận cấp cho ông K thẻ tín dụng quốc tế Car Card 356481-5504, hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền nợ gốc là 21.843.794 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ông K phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt, chi tiết như sau:

- Thẻ tín dụng quốc tế Car Card số thẻ 356481-5504 với mức lãi suất: 2,15%/tháng (kèm theo quyết định ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam số 2138/2017/QĐ-TTT ngày 19/7/2017).

- Ông K bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 30/11/2017 với tổng số tiền giao dịch trong tháng đầu là 20.449.000 đồng và đến tháng 12/2017 ông K có thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 1.500.000 đồng, đến tháng 02/2018 ông K thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng. Tiền nợ gốc + tiền phí trễ hạn + lãi + phí vượt mức nên dư nợ cuối kỳ của tháng 02/2018 là 19.743.726 đồng.

- Từ tháng 3/2018 trở đi, ông K không thanh toán cho Ngân hàng, từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2018 Ngân hàng áp dụng phí trễ hạn, lãi trong hạn và phí vượt mức đối với ông K.

Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 13 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), từ thời điểm tháng 6/2018 Ngân hàng áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (tương đương: $2,15\% \times 150\% = 3,22\%$), tiền lãi quá hạn được tính trên nợ cuối kỳ.

Nay Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa giải quyết:

1. Buộc ông LHK phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/8/2023 là 74.187.479 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu một trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng) trong đó: Nợ gốc: 21.843.794 đồng; nợ lãi quá hạn: 52.343.685 đồng.

2. Buộc ông LHK có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 30/8/2023 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ngày 19/10/2017.

Bị đơn không có văn bản trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi được phân công thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật; bị đơn, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 150; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông LHK phải trả nợ số tiền 61.887.131 đồng (Sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn một trăm ba mươi một đồng), trong đó: tiền nợ gốc 19.743.726 đồng, phí vượt hạn mức 100.000đồng, phí trễ hạn 655.620đồng, nợ lãi trong hạn 1.273.470đồng, lãi quá hạn 41.114.315đồng; tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết ngày 19/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông LHK cho đến khi trả nợ xong. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành để giải quyết thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, bị đơn ông LHK có địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu ở xã HT, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Hợp đồng tín dụng thì ông K kê khai có địa chỉ nơi ở hiện tại của ông là ở phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, nhưng tại tài liệu xác minh của Công an phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01/4/2022 thì ông LHK không có đăng ký tạm trú, không thực tế cư trú tại phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/02/2023, Công an xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành xác định: Hiện nay ông LHK có đăng ký hộ khẩu tại xã HT, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, do đó đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông LHK. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định: “a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Ông LHK đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, vì vậy vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông LHK.

Tại phiên tòa ngày 14/8/2023 ông LHK vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 31/8/2023, ông LHK không có yêu cầu phản tố và ông K vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của khoản vay theo Hợp đồng đã ký kết:

Vào ngày 19/10/2017, ông LHK có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT và Ngân hàng đã chấp nhận cấp cho ông K Thẻ tín dụng quốc tế Car Card số thẻ 356481-5504, hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, lãi là 2,15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch hết hạn mức sử dụng nên phát sinh nợ gốc. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau

(Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 13 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) từ thời điểm tháng 6/2018 là đúng quy định. Tuy nhiên, Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền dư nợ cuối kỳ làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (2,15 x 150%) tháng trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ của các kỳ (bao gồm nợ gốc và tiền lãi quá hạn của kỳ trước) là không phù hợp quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Hợp đồng mà ông K và Ngân hàng thỏa thuận về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn cộng phí vượt hạn mức, phí trễ hạn và lãi trong hạn chưa thanh toán để tính nợ gốc như vậy là lãi chồng lãi, phạt chồng phạt vi phạm khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*”. Đồng thời tại khoản 5, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật này. b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do đó, xác định lại các khoản nợ tính đến ngày xét xử (ngày 31/8/2023) buộc ông LHK phải trả nợ cho Ngân hàng cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc 19.743.726 đồng (tính từ ngày 28/02/2018);
 - Phí vượt hạn mức từ ngày 31/3/2018 đến ngày 31/5/2018: 100.000đồng;
 - Phí trễ hạn từ ngày 31/3/2018 đến ngày 31/5/2018: 655.620đồng;
 - Nợ lãi trong hạn từ ngày 31/3/2018 đến ngày 31/5/2018 là: 1.273.470đồng (19.743.726 đồng x 2,15%/tháng x 3 tháng= 1.273.470đồng).
 - Lãi quá hạn (tính từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/8/2023 là 63 tháng= 41.114.315đồng (19.743.726 đồng x 2,15% x 150% x 63 tháng= 41.114.315đồng);
- Tổng cộng: 61.887.131 đồng (Sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn một trăm ba mươi một đồng).

Việc ông LHK không trả nợ theo thỏa thuận khi đến hạn là vi phạm hợp đồng, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên buộc phải trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, chỉ có căn cứ buộc ông LHK phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 61.887.131 đồng (Sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn một trăm ba mươi một đồng), trong đó: tiền nợ gốc 19.743.726 đồng, phí vượt hạn mức 100.000đồng, phí trễ hạn 655.620đồng, nợ lãi trong hạn 1.273.470đồng, lãi quá

hạn 41.114.315đồng, là phù hợp theo quy định của Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông LHK phải tiếp tục trả lãi của khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết ngày 19/10/2017 cho đến khi ông LHK trả dứt nợ vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành về việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.094.000đồng, (61.887.131 đồng x 5% = 3.094.356đồng, làm tròn số là 3.094.000đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 615.017đồng (12.300.348đồng x 5% = 615.017đồng), làm tròn số là 615.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.040.998 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0061300 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chênh lệch là 425.998đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 02 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SGTT(Tên viết tắt: S), buộc ông LHK phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT(Tên viết tắt: S) số tiền 61.887.131đồng (Sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn một trăm ba mươi một đồng), trong đó: tiền nợ gốc 19.743.726 đồng, phí vượt hạn mức 100.000đồng, phí trễ hạn 655.620đồng, nợ lãi trong hạn 1.273.470đồng, lãi quá hạn 41.114.315đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào ngày 19/10/2017 giữa ông LHK và Ngân hàng TMCP SGTT(Tên viết tắt: Sacombank) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hồ sơ vay vốn, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông LHK phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP SGTT(Tên viết tắt: S) phải chịu 615.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.040.998 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0061300 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hồ Chí Minh, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SGTT đơn số tiền chênh lệch là 425.998 đồng

Ông LHK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.094.000 đồng (Ba triệu không trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình

